

## HÀNH TRẠNG CỦA NGƯỜI EM ĐÃ MẤT PHONG QUỐC CÔNG<sup>(\*)</sup>

Em húy là Kiên, tự Trọng Cung, hiệu Chỉ Hựu, là con thứ 55 của Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế ta. Anh em cùng mẹ<sup>(1)</sup> với ta có 5 người, chị đầu đã mất là con thứ 21, được tặng Xuân An Thái trưởng công chúa,<sup>(2)</sup> tiếp đến con thứ 31 là Bình Thạnh Thái trưởng công chúa,<sup>(3)</sup> kế đến là ta, rồi là em ấy và em trai út đã mất là hoàng thân con thứ 64 hiệu Ký Trai.<sup>(4)</sup> Em sinh vào giờ Ngọ ngày 23 tháng Tám năm Tân Mão Minh Mạng thứ 12 [28 tháng 9 năm 1831]. Đệ mặt mày sáng sủa như sương trong, trắng sáng, thần thái tỏa ra ngoài mười bước. Trên má có những đường mạch đỏ như chữ triện. Chưa tròn một năm, Hoàng Thái hậu theo lệ cho vào nuôi ở Tây cung để nhũ mẫu bế bồng dạy dỗ. Lên bốn tuổi đã biết vạch chữ, do vậy mà luôn được vua vui ngắm nhìn, ngày càng được gần gũi hầu cận. Thấy người trong cung thường mang giấy vàng bạc cầu đảo lúc ban đêm liền hỏi, được nhũ mẫu bảo: để cầu nguyện đấy. Về sau nghe gia từ bị bệnh, đệ khóc chạy theo nhũ mẫu cầu xin nhũ mẫu hãy làm như vậy. Việc này được trong cung truyền nhau cho là chuyện lạ.

Năm Minh Mạng thứ 19 [1838], em 8 tuổi, được lệnh cho ra ở bên ngoài, cùng với ta và anh Kiến Tường (em cùng mẹ với Vĩ Dã), em Ký Trai theo anh

(\*) Nguyễn Công Trí dịch. Lê Nguyễn Lưu hiệu đính và chú thích.

(1) Mẹ của Miên Kiên là bà Lê Thị Lộc, em ruột của bà Lê Thị Ái (sinh mẫu của Tuy Lý Vương Miên Trinh), đều là con gái của nho sinh Lê Tiến Thành, người làng Vân Trình, huyện Phong Điền, phủ Thừa Thiên. Trong bài *Lê Tiếp dư thần đạo biểu*, Miên Trinh viết (dịch): “Mẹ sinh ra ba trai hai gái, con trai cả là hoàng tử thứ 11 Miên Trinh, con trai thứ là hoàng tử thứ 22 Miên Long, con trai thứ nữa là hoàng tử thứ 36 Miên Quan; con gái cả là công chúa thứ 23 Trang Tĩnh, con gái thứ là công chúa thứ 30 Nhân Trinh. Bà thứ mẫu Quý nhân cũng sinh được ba trai hai gái, con trai cả là hoàng tử thứ 51 Miên Thanh, con trai thứ là hoàng tử thứ 55 Miên Kiên, con trai thứ nữa là hoàng tử thứ 64 Miên Ngụ; con gái cả là công chúa thứ 21 Thục Tĩnh, con gái thứ là công chúa thứ 31 Thụy Thận. Miên Long và Nhân Trinh mất sớm, hợp chung còn tám người, vui vẻ quây quần dưới gối, mẹ vỗ nuôi dạy dỗ như nhau, trong cung ít kẻ biết ai là con của bà Quý nhân”. Bà Lê Thị Lộc, còn có tên Thúy Nhi, không rõ năm sinh. *Nguyễn Phúc tộc thế phả* có chép tên bà, nhưng không nói rõ bà là em của bà Ái và cũng nói không rõ sinh mất năm nào, nhưng trong tiểu sử Miên Ngụ, ghi ông mất sau mẹ 13 ngày, thì bà qua đời ngày 21 tháng Giêng năm Đinh Mùi (7/3/1847).

(2) Nguyễn Phúc Thục Tĩnh: sinh ngày 20 tháng Tám năm Ất Dậu (01/10/1825), năm 1850 hạ giá với Phò mã Đô úy tằng Đốc Trương Phúc Lý (con của Thống chế Trương Phúc Trường), mất ngày 9 tháng Ba năm Bính Thìn (13/4/1856), phong Xuân An công chúa, thụy Nhân Uyển (Phò mã mất năm Mậu Thìn, 1868).

(3) Nguyễn Phúc Thụy Thận: sinh ngày 6 tháng Ba năm Kỷ Sửu (9/4/1829); năm 1851, hạ giá với Phò mã Đô úy Hồ Phan, phong Bình Thạnh công chúa, mất ngày 16 tháng Chạp năm Bính Ngọ (29/01/1907).

(4) Nguyễn Phúc Miên Ngụ: sinh ngày 10 tháng Ba năm Quý Tỵ (29/4/1833), thông minh, ham học, bị bệnh đậu mùa mất ngày 4 tháng Hai năm Đinh Mùi (20/3/1847), cách 13 ngày sau ngày mẹ mất.

Vĩ Dã<sup>(1)</sup> cùng đến ở Quảng Phúc đường (phủ ban cho anh Vĩ Dã) để bắt đầu việc học. Anh Vĩ Dã đã dạy hay mà các công học lại giỏi, nên càng tương đắc càng tiến bộ, như nam châm hút kim, như đá ném xuống nước, như tung lên theo gió, như đuổi theo ánh chớp, như được Vương Lương, Bá Nhạc ở hai bên trái phải trước sau chỉ vẽ cho. Trong chỗ anh em mà là thấy bạn, coi nhau như tri kỷ, chung giường chiếu vậy. Bọn anh em chúng tôi không dám trông mong gì hơn những điều bảo ban nhau, đại loại là yếu chỉ bí truyền ảo diệu về “cùng lý tận tính”<sup>(2)</sup> của thánh hiền, dưới đến thiên văn, luật lịch, kế sách, số mệnh. Bọn anh em chúng tôi ngồi bên lắng nghe mà không ai tỏ ra mệt mỏi đến nỗi ngủ gục, mà hai người thao thao đến sáng ngày cho là những điều bình thường. Hôm ấy mở cuộc thi tấn ích hàng tháng, nghe có thầy Trương Tuy Thanh Quảng Khê [Trương Đăng Quế] và thầy Phan Hiệp Biện Lương Khê [Phan Thanh Giản] đứng làm chủ Tao Đàn, được thơ của em, vui mừng mà khen ngợi là có cái nhìn của bậc quân tử nước Lỗ. Anh Ninh Thuận<sup>(3)</sup> ưa thích dẫn dắt kẻ hậu tiến, nghe vậy nên muốn thử tài em; một hôm bày tiệc rượu ở đình Quan Hoạch, cho mời anh Vĩ Dã, dẫn dẫn em ấy cùng đến. Em lúc đó còn chưa để tóc, nghe theo lời dạy, ứng đối tức khắc giữa tiệc rượu, trong đó có câu: “*Tân lương hốt mãn tỵ / Phiến vũ lai viễn thiên*” (Khí mát bỗng nhiên tràn tay áo / Trời xa kéo đến trận mưa rào). Anh Ninh Thuận xoa đầu khen: “Nhỏ mà khá lắm”.

Năm Thiệu Trị thứ 5 [1845], em được 15 tuổi, vào tháng Giêng được tấn phong là Phong quốc công, cũng là cái số khác thường. Theo lệ cũ, các hoàng tử, hoàng đệ khi tuổi gần lớn mà được thụ phong đều do ở thơ ứng chế để xem mức độ tiến bộ. Trước một ngày có lệnh vào hầu, đệ nghiên ngẫm học suốt đêm. Ta thấy thương nên từ từ khuyên nhủ đừng quá lo lắng, nên yên tĩnh nhàn nhã thì mới đối phó được dao động vất vả, sáng suốt là do ở thân mình sau đó mới ứng phó được với nhiều việc. Em cố gắng làm hết sức mình như vậy thì trước hết chỉ tự làm khổ

<sup>(1)</sup> Vĩ Dã: tức Tuy Lý Vương Nguyễn Phúc Miên Trinh.

<sup>(2)</sup> Cùng lý tận tính: Một chủ trương triết học của nhà nho Chu Hy (1130-1200) thời Tống. Triết học của ông tựu trung có thể quy thành ba vế để nhận thức sự vật: Cự kính - Tận tính - Cùng lý. Cự kính là giữ cho mình luôn luôn nghiêm chỉnh, cẩn trọng, tập trung tư tưởng khi cần suy xét một điều gì; tận tính là phải hiểu biết cho kỹ lưỡng, rõ ràng, đến nơi đến chốn cái tính của mỗi một sự vật, nếu không “cự kính” thì không thể “tận tính” được. Từ cái tính của mỗi một sự vật mà hiểu biết được đầy đủ, quán thông hết cái lý chung của vũ trụ vạn vật. Đạt đến đó tức là “cùng lý”, con người sẽ hành động một cách tự nhiên mà hòa hợp với vũ trụ vạn vật, và trở thành thánh nhân.

<sup>(3)</sup> Nguyễn Phúc Miên Nghi (1810-1874) là hoàng tử thứ tư của vua Minh Mạng, mẹ là Trang tần Trần Thị Tuyển, sinh ngày mùng 5 tháng Chạp năm Canh Ngọ (30/12/1810), lúc đầu tên Dục, được phong Đức Thọ công (1830), phạm lỗi, cải phong Ninh Thuận công (1833), giữ chức Tôn Nhân Phủ Tả tôn nhân (1836). Năm 1850, ông xin lập Tôn Học Đường để giảng dạy con cháu hoàng thân. Năm 1874, ông được tấn phong Ninh Thuận quận vương, xin từ vì triều đình không có lệ phong vương lúc còn sống, nhưng chưa kịp tuyên phong thì bị bệnh mất ngày mùng 1 tháng Bảy năm Giáp Tuất (12/8/1874), truy tằng Ninh Thuận quận vương.

mà thôi. Em đáp rằng: “Em đau mắt khổ tâm chỉ để trút bỏ hết nỗi lòng vậy, nhưng vẫn sợ điều đó chưa đủ. Cho nên “lập thân dương danh” là ở trong chỗ phúc và họa, không dám sơ sẩy dù chỉ đường tơ kẽ tóc. Huống chi nói do tiền định là không đúng. Mà tiền định là như thế nào? Là dự sẵn vậy; là làm trước vậy. Vốn chẳng dám thăm dò trước ý chỉ Bề trên. Hoàng thượng khoan dung nhân từ, giáo dục cốt để khuyến khích con em đọc sách hiểu biết chữ nghĩa mà thôi, chẳng phải đốc thúc khảo hạch như thi cử, ra đề khó, vắn hiểm để quần bách người dưới. Vì vậy cũng có thể nói là tiền định, mà cũng có thể nói là việc dự sẵn. Nếu không thế thì khi việc đến gấp, thần trí bị thúc bách, rồi oai trời khiến quá sợ thì không thể không thất bại. Đối với em có được bao nhiêu, lúc lâm sự ắt sợ hãi mà quên mất hết, nên nào dám không gắng sức”. Nhưng sáng hôm ấy, đề vua ra bài thất ngôn luật, vắn “Dương”, vịnh cảnh mùa xuân. Em bèn cầm bút viết ngay. Thật có thể nói nằm sẵn trong lòng mà chuyển đến tay. Lập tức có chỉ chọn lấy đứng đầu. Chiều tối đó, những người được lên ngự điện ứng chế đều được phong, ai nấy đều tạ ơn. Đặc biệt Hoàng thượng ban dụ trước mặt anh Vĩ Dã rằng: “Thơ của em Kiên trang nhã, chữ viết lại chân phương trông khá đẹp, đã thành người lớn rồi, Trẫm khen công lao anh em võ về dạy bảo nhau đầy đủ như vậy”. Về sau, các anh như Thọ Xuân<sup>(1)</sup> triều kiến, ngài còn nêu việc này để bảo. Thật là ngưỡng cây bệ trên sáng suốt, gặp được minh quân, nên những người đồng thời bị giáng phạt, không hề có chút ghen tị với em, để sinh ra lời này tiếng nọ.

Đến nay năm đầu triều Tự Đức, tại Trai Cung ở Nam Giao, vua lệnh các hoàng thân ứng chế thơ *Tùng đào* [tiếng gió qua rừng thông]. Vua cầm thiếp đề thơ của em xem, rồi quay lại bảo với các anh rằng: “Thơ hay lắm, trong đó có câu: “*Cấp vũ phiên lai bạch nhật trung*” [Giữa nắng chợt chuyển trận mưa to] thật đáng làm mẫu mực, trẫm hết sức thích, Hoàng khảo thật biết người”. Về sau mỗi khi có thơ ứng chế, em đều có chỉ gọi đến, thường được châu điểm. Tháng Hai năm Tự Đức thứ 7, vua ngự chế *Thị học thi*, sai các hoàng thân và đình thần ứng chế. Em dâng lên bài *Thị học tụng*, được chép vào trong tập *Tích Ung canh ca*. Đây là bài tuyệt bút của em. Giờ Mão, ngày 26 tháng Sáu năm đó [20/7/1854], em mất, hưởng dương 24 tuổi. Đau đớn thay! Ngày 2 tháng Chín [23/10/1854] chôn tại địa phận

<sup>(1)</sup> Nguyễn Phúc Miên Định: hoàng tử thứ ba của vua Minh Mạng, mẹ là Gia phi Phạm Thị Tuyết, sinh ngày mùng 6 tháng Bảy năm Canh Ngọ (5/8/1810), ban đầu tên Yển (vua Gia Long đặt), sau đổi Miên Định (theo thơ ngự chế năm 1823), tự Minh Tĩnh, hiệu Đông Trì. Ông tuổi trẻ ốm yếu nhưng thông minh, chăm học, xuất các (1823) và được tấn phong Thọ Xuân công (1830), giữ chức Tôn Nhơn Phủ Hữu Tôn chính (1836), sau đổi Tôn Nhơn Phủ Tả Tôn chính (1865), tấn phong Thọ Xuân quận vương (1874) rồi Thọ Xuân Vương (1878). Vua Tự Đức mất (1883), ông sung vào Hội đồng phụ chính, rồi sau khi vua Hàm Nghi xuất bôn (1885), Lưỡng cung (Thái hoàng Thái hậu Phạm Thị Hằng và Hoàng Thái hậu Võ Thị Duyệt) giao cho ông nhiếp chính việc nước cùng Nguyễn Văn Tường. Ông mất ngày mùng 10 tháng Mười năm Bính Tuất (5/11/1886), thụy Đoan Kháp. Ông có hai tập thơ *Minh Mạng cung từ* và *Tĩnh Minh Ái Phương thi tập*, nhưng nay đã bị thất lạc.

làng Dương Xuân. Con trai 7 người, trưởng là Hồng Thông, nay tập tước Quy Hậu hương hầu, Hồng Tự, Hồng Chức, Hồng Văn, Hồng Thế, Hồng Chế, Hồng Thính, nhưng Hồng Văn mất sớm, Hồng Chế mất sau. Con gái có 4 người, trưởng là Ủy Tinh gả cho con trai của Thủy sư Quán vệ là Nguyễn Hữu Tuyền; Huân Bội và Ý Nặc mất sau, rồi em bé còn trong bụng mẹ mà sau ta đặt tên cho.

Ấy là thời gian nhà ta đang hưng thịnh. Ngôi nhà vua ban cho anh Kiến Tường là Quảng Cư đường thông với Quảng Phúc đường làm thành một khu. Cả hai nhà anh chị em của ta gồm có 8 người: ba chị Nhược Linh, Nhược Hương, Nhược Ý (Nhược Hương là chị thứ 22 tự Nhược Hương, hiệu Huệ Uyên, là em ruột của anh Vĩ Dã; Nhược Linh là chị thứ 21, tự Nhược Linh, hiệu Hành Uyên; Nhược Ý là chị thứ 31 tự Nhược Ý hiệu Chi Uyên đều là chị ruột của ta). Mẫu thân ta vâng mệnh ở hậu viện của cung Khánh Ninh, chúng ta năm người hầu thứ mẫu (chị ruột của mẹ ta) ở Quảng Cư đường, ở nhà thì hầu hạ, đi ra thì hỏi han. Về sau theo lệ xin, được chỉ cho đón mẹ về phụng dưỡng. Ba chị cũng được tùy lúc đến mà hầu phụng. Vào lúc đó, trên thì hai mẹ cùng ở tại một nhà, còn dưới thì con, cháu, trai, gái, dâu sum vầy quanh gối, sớm hôm nhàn nhã, uống rượu đọc sách, ngắm trăng hóng gió, tiếng ngâm thơ văng vẳng đến bên ngoài, gia đình hiếu hữu được người đời khen ngợi, chưa bao giờ thịnh được như thế. Than ôi! Trời gieo tai họa thảm khốc. Năm em 17 tuổi, bỗng có tang mẹ, lúc đó em đang bị đậu mùa đã mấy ngày, anh Kiến Tường thì đã sớm về cõi tiên, chị Nhược Hương và em Ký Trai nối nhau bỏ đi. Tai ương tụ tập trong vòng mấy tháng, xưa nay chưa từng có làm ta đau đớn kêu thấu trời, bút mực khó tả cho hết được. Đến lúc tinh thần của em dần dần thanh thản lại, tai mất hơi thông suốt thì gào khóc, bò lăn đến nơi nhà tang để cùng ta chịu tang. Vốn đậu trên mặt chưa thành sẹo, sợ chột biến chứng, anh Vĩ Dã đem xe đến đưa về nhà riêng. Sau lễ Ninh Thố, ta ở lại nhà mồ, hai chị Nhược Linh, Nhược Ý thì vào trong Nội, em một mình giữ từ đường (tức Quảng Cư đường) chịu tang. Đến đây thế phải phân tán như vậy. Về sau, khi ta bị bệnh rời nhà mồ trở về mới được cùng em đoàn tụ. Anh Vĩ Dã thỉnh thoảng tới thăm. Ba người mỗi lần như thế, nhìn nhau bật khóc, đau xót biết bao! Đến lúc hết tang, em buồn bã cáo biệt, nói rằng: “Đất này ở chốn phố chợ, nhỏ mà ẩm, không bằng tìm một nơi cao ráo thoáng mát ở ngoài để xây nhà thờ, nhưng anh nghèo chưa dễ kiếm được, để cho em chùng 10 năm, thông thả rồi mưu tính, tất khiến có thể tụ hội được”. Em về [nhà] Chỉ Hựu rồi mất.

Năm ngoái, ta bị bệnh, em được tin cố mời anh Vĩ Dã cùng đến thăm mạch, hết sức tìm đủ sâm cao, tự thân đồ thuốc cho ta. Lúc ta mệt mỏi đem việc thờ tự phó thác, em nuốt lệ an ủi rằng: “Anh là gia trưởng chủ việc thờ cúng, em là chỗ trông cậy của anh. Huống chi mẹ ta suốt bảy năm cam khổ tu hành nhân đức, thân chưa chút báo đền, tất để lại cho con cháu. Quỷ thần có thiêng sẽ giúp đỡ anh. Anh

nên yên lòng, gắng dùng thuốc men tất chẳng có sao đâu”. Rồi vì ta, em ở lại mấy tuần, không chợp mắt suốt ba ngày đêm, vì thế tóc đầu rụng sỏi, ăn uống ngày một suy giảm. Ta chưa lành mà em đã bệnh. Than ôi! Vốn tội của ta mà giảm thọ cho em, lấy mất hình hài của em để chuộc cho sự sống của ta, tình nói sao cho xiết. Em bệnh đã một tháng rồi ta mới biết mà đến. Em còn cau mày nói: “Anh là bệnh nhân làm sao đến nuôi người bệnh, khiến cho em không an tâm mà thôi. Đã có anh Vĩ, chị Chi ở đây chẳng lo ngại gì, nếu sáng đến chiều về đều đặn ấy là tốt rồi”. Đến khi bệnh nặng, em còn nói chuyện với anh Vĩ Dã và chị Chi Uyển như bình thường. Chợt lưỡi trệt, nói ú ớ, tự biết mà nói: “Lưỡi em trệt rồi, lời nói ra ú ớ rồi, nhưng không thể không gượng nói cho đúng”. Nói từ “cho đúng” một lần nữa rồi mất. Than ôi, đau đớn thay! Sống không biết mà giữ cho nhau, bệnh không biết mà chăm nuôi nhau, mất không kịp thấy, khâm liệm chôn cất không thể không tận tình tận lễ. Ai tính được ta ngu độn hung dữ không thuận thảo mà chẳng chết? Ai tính được em hiếu dễ, hiền lành tốt đẹp mà chẳng sống? Ai tính được trời báo ứng chẳng sai mà như giấc mộng ru?. Ôi có đúng vậy chăng? Chỉ mình em nhả nhận mà có trí tuệ, tư chất hơn người. Trời không cho sống lâu, sự nghiệp chưa được nửa phần. Tuy nhiên những điều tốt đẹp nghe thấy được thì không thẹn với cổ nhân vậy. Em hết sức được anh Thọ Xuân thương yêu, mấy lần chiếu cố đến thăm. Từ khi bệnh đến khi chết, đều tự thân thăm viếng không dứt, có trước có sau. Em vốn không thích chơi cờ mà anh Phú Bình là quốc thủ lại thích bàn luận những nước cờ với em, nghĩ rằng có thể được em bày vẽ cho, nói: “Đối với hạng tuổi trẻ, ta không sợ trí thông minh của họ, mà chỉ sợ sự tìm tòi nghiên cứu thôi”.

Anh Tùng Thiện ôn hòa mà nghiêm khắc, được anh khen một chữ là đáng quý hơn ngọc khuê ngọc bích. Mừng em được tấn phong có câu đối rằng: “*Tha nhật tao đàn phân đỉnh túc, dĩ Tương Tuy quốc cộng vi tam*” (vong kỳ thượng cú) [Ngày sau tao đàn chia chân vạc, cùng Tương Tuy quốc<sup>(1)</sup> tạo thành ba] (vế ở trên ta quên mất), thì có thể thấy không quá đáng. Các anh coi trọng em đại để như thế. Em thường nói với ta: “Cổ nhân xem văn chương là cái khéo vặt, người sau lại đem văn chương để kén chọn, để giao tiếp; tuy không thể không làm thế, nhưng cũng không nên đam mê, đam mê thì hại đến công phu của thân tâm và tính mệnh”. Cho nên em nghiền ngẫm điển phần, theo đòi bách gia mà phê phán cử lưu,<sup>(2)</sup> dồn chứa ngày càng nhiều, thiên về biên soạn, trí tuệ đủ để khéo như bọn Thỏa Liêu đất Sinh, mà không đắm chìm trong văn nghệ, có *Chỉ Hựu thảo* mấy tập, mà sau

<sup>(1)</sup> Tương Tuy quốc: tức Tương An công Miên Bửu và Tuy quốc công Miên Trinh.

<sup>(2)</sup> Điển phần: sách vở của nhà nho được dụng làm giáo khoa thư các thời đại phong kiến Trung Hoa như *Ngũ kinh*, *Tứ thư*. - Bách gia: sách vở của các nhà tư tưởng trong thời Xuân Thu - Chiến Quốc, như Lão Tử, Trang Tử, Mặc Tử, Dương Tử... - Cử lưu: chín hệ phái tư tưởng cổ ở Trung Quốc hình thành từ thời cuối Chu (Xuân Thu - Chiến Quốc), gồm: Nho gia, Đạo gia, Âm Dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung Hoàng gia, Tạp gia, Nông gia.



khi mất lại thất lạc. Lại tự nói rằng: “Cái công khắc kỷ rất lớn; phạm mọi việc tôi kỵ là hề thích ý thì làm ngay; nên làm những điều nghĩa khó làm, dè nén cái riêng khó nhin của mình, lâu dần sẽ thành tính, mới có thể ít lầm lỗi. Ta luôn cố gắng để được như thế”. Hàng ngày tự sống dè sẻn, nhưng rộng rãi về việc táng tế. Sắp xếp việc nhà, đối với người không hề phân biệt hiền ngu, nói chuyện với họ thì dẫn giải rõ ràng, hết sức ân cần. Cho nên tính tuy không khéo kết giao nhưng nhiều người vẫn ưa gần gũi. Những đức ngầm khác đều tự giấu kín, cùng với tạo hóa rộng rãi mệnh mông, ta không thể lường hết được, cũng không tả đầy đủ được.

Than ôi! Ta chẳng thạo văn chương, làm sao tỏ rõ hành trạng của em ta được, nhưng sợ lâu ngày thì tài năng lỗi lạc [của em ta] chìm đắm mất, khiến ngày sau người lượm lật ghi chép chẳng thu thập được gì rõ rệt thì tội ta quá nặng. Cho nên dám xin nén đau ngậm thẹn bàn về hành trạng của em để lại trong nhà. Thề chẳng một chút gì riêng tư, không hề thêm thắt vẽ vời. Toàn là lời ngay thẳng để an ủi hương linh của em ta. Than ôi, đau đớn thay!

Anh (tên cha tôi [Miên Thanh]) kính trạng

Trích: *Quân Đình văn thảo*.

Con: Hồng Vịnh kính sao.